

Số: 20/2021/QĐST-HNGĐ

Thủ Dầu Một, ngày 14 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 358/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Cụm X, xã HH, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ tạm trú: Tổ X, khu phố Y, phường HP, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Chênh Mỹ D, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Khu phố X, xã P, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Công ty W, đường Mỹ Phước Tân Vạn, Khu phố B, phường BC, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Chênh Mỹ D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 06/02/2020. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà D là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông H và bà D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 18/11/2019. Các đương sự thống nhất bà Chênh

Mỹ D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 18/11/2019.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thống nhất ông Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung 18 tuổi.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nên Tòa án sẽ công nhận theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Văn H và bà Chênh Mỹ D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn H và bà Chênh Mỹ D mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng, phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (06/01/2021), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Chênh Mỹ D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 18/11/2019. Các đương sự thống nhất bà Chênh Mỹ D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 18/11/2019.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 18/11/2019 số tiền 2.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi có quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự (ngày 14/01/2021) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Kể từ ngày bà Chênh Mỹ D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông H còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Văn H và bà Chênh Mỹ D mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0050916 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã P, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**THẨM PHÁN**

***(Đã ký)***

**Trần Châu Giang**